

Số: 15 /2026/QLQ-PVBF

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2025**

(Căn cứ Phụ lục số 25 kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a. **Tên của quỹ:** Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom (PVBF)

Loại hình quỹ: Quỹ mở

b. **Mục tiêu đầu tư của quỹ:** Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

c. **Thời hạn hoạt động của quỹ:** Không giới hạn

d. **Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio):** Không có

e. **Chính sách phân chia lợi nhuận:** Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

f. **Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2025:** 3.771.036,89 Chứng chỉ quỹ

g. **Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:**

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Không có	Mục 4, Phụ lục 4, Điều lệ Quỹ 8. Trái phiếu hủy niêm yết Đối với Trái phiếu chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì giá Trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.	Cập nhật phù hợp với tình hình hoạt động
2	Phụ lục 5 Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD)	Phụ lục 5 Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	Cập nhật theo thực tế tên sửa đổi của đối tác (cập nhật toàn văn bản)

h. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

- Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2025 số 01/2025/NQĐH-PVBF ngày 28/04/2025, nội dung được thông qua gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Quỹ PVBF;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ PVBF;
- Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2024 của Quỹ PVBF;
- Miễn nhiệm, Bổ nhiệm nhiệm kỳ mới thành viên Ban đại diện Quỹ PVBF, nhiệm kỳ 2025-2030, bao gồm :
 - Miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ PVBF, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Việt Hà	Thành viên Ban đại diện

- Bổ nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ PVBF, nhiệm kỳ 2025 – 2030:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Kiều Phương Khoan	Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện
2	Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập Ban đại diện
3	Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập Ban đại diện

- Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PVBF trong năm tài chính 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán AASC. Thông qua ủy quyền cho Công ty Quản lý Quỹ PVCB Capital đàm phán, ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán

- i. **Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát** về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ (Đơn vị: Tỷ trọng trong tổng tài sản %):

Danh mục đầu tư	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Trái phiếu	68,19	68,13	59,34
Cổ phiếu	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	26,28	16,40	31,28
Hợp đồng tiền gửi	-	-	-
Tài sản khác	5,53	15,47	9,38
Tổng tài sản	100,00	100,00	100,00

- Các chỉ tiêu về: Giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Giá trị tài sản ròng (VNĐ)	56.815.912.698	60.478.721.529	70.528.585.762
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VNĐ/CCQ)	15.066,39	14.609,91	13.480,46
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	3.771.036,89	4.139.566,60	5.231.910,23
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VNĐ/CCQ)	16.837,10	15.111,63	13.518,76
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VNĐ/CCQ)	14.233,82	13.016,84	12.308,07

- Tổng lợi nhuận của quỹ (đơn vị: VNĐ)

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
(I) Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư, trong đó: (1.1+1.2+1.3)	3.786.939.033	5.058.857.917	7.155.361.662
1.1 Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	3.866.157.568	4.911.929.470	6.937.597.202
1.2 Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	1.095.488.706	1.393.556.401	1.527.601.841
1.3 Chi phí	(1.174.707.241)	(1.246.627.954)	(1.309.837.381)
(II) Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(1.542.887.246)	807.211.745	518.896.047

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
(III) Tổng lợi nhuận của quỹ (III=I+II)	2.244.051.787	5.866.069.662	7.674.257.709

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.
- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay của danh mục của quỹ:

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,90%	1,65%	1,49%
Tốc độ vòng quay danh mục	64,13%	42,37%	65,98%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng (đơn vị: VNĐ):

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Lợi nhuận bình quân	2.244.051.787	5.866.069.662	7.674.257.709

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV- Chi nhánh Hà Thành.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như HNX, HSX.

d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

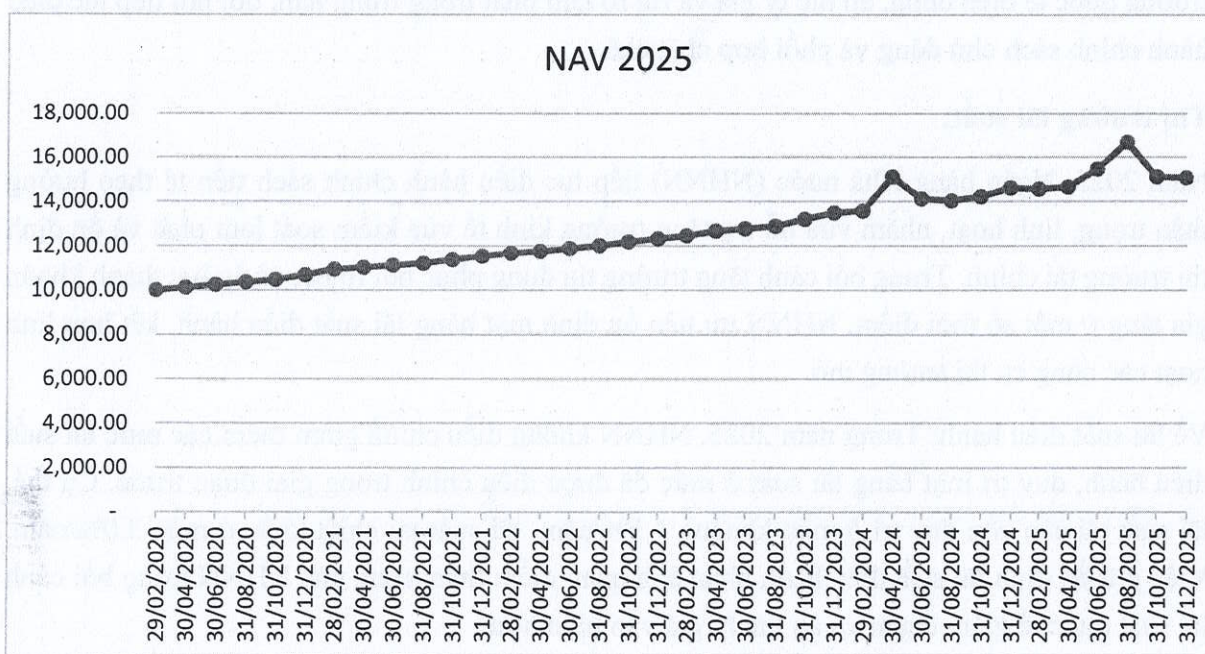
3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản bao gồm các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ : không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, quỹ đã ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận bình quân năm là 3,12%
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có

d) Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan.

e) Kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất):



g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô:

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Tính chung cả năm 2025, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 30,31 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 15,22 tỷ USD (chiếm 50,2% tổng kim ngạch), tăng 24,4%; dịch vụ vận tải đạt 8,8 tỷ USD (chiếm 29,0%), tăng 23,6%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm 2025 ước đạt 40,54 tỷ USD (trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 14,43 tỷ USD), tăng 14,0% so với năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 17,1 tỷ USD (chiếm 42,1% tổng kim ngạch), tăng 19,9%; dịch vụ du lịch đạt 14,7 tỷ USD (chiếm 36,4%), tăng 15,6%. Cán cân thương mại dịch vụ năm 2025 nhập siêu 10,23 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Mười Hai tăng 0,19% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Mười Hai tăng 3,48%. CPI bình quân quý IV/2025 tăng 3,44% so với quý

IV/2024. Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Kết luận

Năm 2025, kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả tích cực, với tăng trưởng GDP cao, kiểm soát lạm phát tốt và thặng dư thương mại bền vững. Chính sách tiền tệ và tài khóa được điều hành linh hoạt, thận trọng nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong khi vẫn chú trọng ổn định hệ thống tài chính và tỷ giá. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với những thách thức từ môi trường quốc tế biến động, áp lực tỷ giá và rủi ro lạm phát trong trung hạn, đòi hỏi tiếp tục điều hành chính sách chủ động và phối hợp chặt chẽ.

Thị trường lãi suất:

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng, linh hoạt, nhằm vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế vừa kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tài chính. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng phục hồi rõ nét và áp lực thanh khoản gia tăng ở một số thời điểm, NHNN ưu tiên ổn định mặt bằng lãi suất điều hành, kết hợp linh hoạt các công cụ thị trường mở.

Về lãi suất điều hành: Trong năm 2025, NHNN không điều chỉnh giảm thêm các mức lãi suất điều hành, duy trì mặt bằng lãi suất ở mức đã được điều chỉnh trong giai đoạn trước. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn duy trì ở mức khoảng 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu ở mức 3,0%/năm. Việc giữ ổn định lãi suất điều hành phản ánh quan điểm thận trọng của NHNN trong bối cảnh lãi suất quốc tế giảm chậm và áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu.

Mặt bằng lãi suất huy động: So với năm 2024, lãi suất huy động trong năm 2025 có xu hướng tăng nhẹ và phân hóa giữa các ngân hàng, đặc biệt từ nửa cuối năm khi tăng trưởng tín dụng cao hơn tốc độ huy động vốn. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 3,8% - 5,8%/năm, trong khi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên dao động khoảng 5,8% - 7,2%/năm. Một số ngân hàng thương mại cổ phần quy mô vừa và nhỏ áp dụng mức lãi suất cao hơn để cải thiện thanh khoản, trong khi nhóm ngân hàng quốc doanh duy trì mức lãi suất tương đối thấp.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay doanh nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên nhìn chung ổn định ở mức 8,5% - 10,5%/năm, cao hơn nhẹ so với năm 2024. Đối với các khoản vay tiêu dùng và bất động sản, lãi suất tiếp tục ở mức cao hơn, phổ biến trong khoảng 11% - 14%/năm, tùy thuộc vào kỳ hạn vay, mức độ rủi ro và xếp hạng tín dụng của khách hàng.

Thị trường liên ngân hàng và nghiệp vụ thị trường mở: Lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng trong năm 2025 biến động theo chu kỳ thanh khoản, nhưng nhìn chung duy trì quanh mức 4,5% - 5,0%/năm. NHNN chủ động sử dụng các công cụ thị trường mở để điều tiết thanh khoản, với lãi suất tín phiếu NHNN và lãi suất cho vay cầm cố trên thị trường mở dao động quanh mức 4,5%/năm, phù hợp với định hướng giữ ổn định lãi suất điều hành.

Kết luận

Thị trường lãi suất Việt Nam năm 2025 ghi nhận xu hướng ổn định mặt bằng lãi suất điều hành, trong khi lãi suất huy động và cho vay có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2024 do áp lực từ tăng

trường tín dụng và nhu cầu vốn của nền kinh tế. NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động kiểm soát thanh khoản nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính. Trong thời gian tới, diễn biến lãi suất vẫn cần được theo dõi chặt chẽ, đặc biệt trong mối liên hệ với chính sách tiền tệ toàn cầu, lạm phát và tỷ giá.

Thị trường Cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi nhận một năm bứt phá ấn tượng sau giai đoạn biến động mạnh, với chỉ số VN-Index kết thúc năm ở quanh 1.784,49 điểm, tăng khoảng 40,9% so với cuối năm 2024, lập mức cao kỷ lục lịch sử và trở thành một trong những thị trường tăng trưởng mạnh nhất khu vực. Đà tăng mạnh này được hỗ trợ bởi dòng tiền nội địa dồi dào và kỳ vọng nâng hạng thị trường, cũng như các yếu tố chính sách cải cách và triển vọng kinh tế tích cực. Thanh khoản thị trường gia tăng đột biến với giá trị giao dịch trung bình trên HOSE đạt mức cao lịch sử, cho thấy sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư trong nước.

Tuy nhiên, thị trường cũng trải qua nhiều giai đoạn biến động và điều chỉnh mạnh, đặc biệt là chịu áp lực từ khối ngoại bán ròng lớn, với tổng giá trị bán ròng gần 140.000 tỷ đồng trong năm, mức cao kỷ lục, phản ánh thách thức trong thu hút dòng vốn ngoại bền vững.

Dự báo năm 2026, thị trường được kỳ vọng tiếp tục ổn định và duy trì xu hướng tăng trưởng khi các yếu tố bất lợi từ bên ngoài dần giảm, cùng với việc Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi, điều này có thể thu hút dòng vốn ngoại lớn hơn về dài hạn và tạo động lực chính cho thị trường cổ phiếu.

Thị trường Trái phiếu:

Năm 2025, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam ghi nhận sự phục hồi rõ nét nhưng mang tính chọn lọc, trong bối cảnh khung pháp lý dần hoàn thiện và niềm tin thị trường từng bước được cải thiện. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp trong năm ước đạt khoảng 470.000 - 500.000 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024, trong đó phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng áp đảo. Hoạt động phát hành tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính tốt và khả năng tiếp cận dòng tiền ổn định.

Ngành ngân hàng tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt thị trường với giá trị phát hành ước đạt khoảng 300.000 - 320.000 tỷ đồng, chiếm trên 60% tổng lượng phát hành, nhằm bổ sung vốn trung và dài hạn, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn và tăng trưởng tín dụng. Ngược lại, ngành bất động sản dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn ở mức thận trọng, giá trị phát hành chưa quay lại mức cao, chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp đầu ngành, có tài sản đảm bảo rõ ràng. Kỳ hạn phát hành bình quân của nhóm bất động sản duy trì ở mức ngắn, khoảng 2,5 - 3 năm, trong khi lãi suất coupon vẫn ở mức cao, dao động 10,5% - 12%/năm, phản ánh rủi ro tín dụng chưa hoàn toàn được giải tỏa.

Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2025 vẫn ở mức cao, với tổng giá trị đáo hạn ước đạt trên 220.000 tỷ đồng, trong đó nhóm bất động sản chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 45% - 50%. Áp lực thanh toán tập trung chủ yếu vào nửa cuối năm 2025, buộc nhiều doanh nghiệp

phải chủ động tái cơ cấu nợ, đàm phán giãn hoãn kỳ hạn hoặc tìm kiếm các kênh huy động vốn thay thế.

Kết luận:

Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025 bước vào giai đoạn phục hồi có kiểm soát, với chất lượng phát hành được cải thiện nhưng quy mô chưa tăng mạnh. Ngành ngân hàng tiếp tục là trụ cột của thị trường, trong khi bất động sản vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực đáo hạn và chi phí vốn cao. Trong trung hạn, triển vọng thị trường phụ thuộc lớn vào tiến độ phục hồi của bất động sản, khả năng xử lý nghĩa vụ trái phiếu đến hạn và mức độ củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ : Không có

i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

- Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ là 27,11%.

l) Các thông tin khác: Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát: Không có

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ: Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng lưu ký giám sát theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

c) Việc đầu tư đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong kỳ báo cáo năm 2025 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, cụ thể như sau:

- Tại kỳ định giá ngày 08/01/2025, 13/05/2025, 14/05/2025, 29/05/2025, từ 10/06/2025 đến 25/06/2025, từ 01/07/2025 đến 03/07/2025, 04/09/2025, từ 11/11/2025 đến 13/11/2025, Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành trên tổng giá trị tài sản của quỹ vượt hạn mức tối đa 20%, chưa đáp ứng quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- Tại kỳ định giá ngày 11/09/2025 và 16/09/2025, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác

trên giá trị tài sản ròng của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 80% theo quy định tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Từ kỳ định giá ngày 16/10/2025 đến kì định giá ngày 05/11/2025, tỷ lệ đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm a, b, d, đ và e Khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau trên tổng giá trị tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 30% theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

Tính đến thời điểm 31/12/2025, các tỷ lệ đầu tư nêu trên của quỹ đã đảm bảo hạn mức tối đa theo quy định tại điểm c, d Khoản 4 Điều 35, Khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC; và cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép theo quy định tại khoản 6 Điều 24, khoản 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;

e) Việc phát hành bổ sung, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Số tiền (VNĐ) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	357.500.000
% tổng chi phí ủy quyền/lợi nhuận	15,93%
% tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng	9,44%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	30,43%

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Giá trị (VNĐ)
Phí quản trị quỹ	198.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	159.500.000
Tổng	357.500.000

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng công

ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD). Dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV- chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và các bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2025 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PVBF (2b).

Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam



Trần Quang Vinh